**5 Đề thi trắc nghiệm tiếng Anh trình độ A có đáp án**

Trình độ tiếng Anh của bạn ở mức nào? Hãy thử sức với đề trắc nghiệm tiếng Anh trình độ A sau đây để biết được khả năng tiếng Anh của mình. Đề tiếng Anh trình độ A nhìn chung khá đơn giản. Cấu trúc đề thi kiểm tra phần ngữ pháp tiếng Anh cơ bản. Các bạn có thể ôn tập lại ngữ pháp qua các bài tập.

**Đề 1:**

Top of Form

**1. Who are all \_\_\_\_\_\_\_\_ people?**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) this
* **(B) those[true]**
* (C) them
* (D) that

**2. I don't know \_\_\_\_\_\_\_\_ people.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) many[true]**
* (B) much
* (C) a lot
* (D) few

**3. We live near \_\_\_\_\_\_\_\_ the river.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) of
* (B) from
* (C) by
* **(D) -[true]**

**4. He says that he must have \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) the all from it
* (B) all it
* (C) the all of it
* **(D) it all[true]**

**5. John is a good worker: He works very \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) hardly
* **(B) hard[true]**
* (C) good
* (D) many

**6. Let's \_\_\_\_\_\_\_\_ a party!**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) do
* **(B) have[true]**
* (C) set
* (D) make

**7. The radio's much too loud: please turn it \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) out
* (B) low
* (C) up
* **(D) down[true]**

**8. - Would you like some sugar? - Yes, please, just \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) a little[true]**
* (B) little
* (C) a few
* (D) few

**9. They say he has \_\_\_\_\_\_\_\_ money.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) a lot of[true]**
* (B) plenty
* (C) lots
* (D) many

**10. How much time do you \_\_\_\_\_\_\_\_ your homework?**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) make at
* (B) bring to
* (C) give for
* **(D) spend on[true]**

**11. My father is \_\_\_\_\_\_\_\_ man.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) an old[true]**
* (B) a old
* (C) not young
* (D) not an young

**12. Millions of cigarettes \_\_\_\_\_\_\_\_ every year.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) is smoke
* (B) are smoking
* **(C) are smoked[true]**
* (D) are smoke

**13. Gold, as well as silver \_\_\_\_\_\_\_\_ in price, he said.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) have fallen
* **(B) has fallen[true]**
* (C) fall
* (D) are falling

**14. They quarreled \_\_\_\_\_\_\_\_ the choice of a house.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) on
* **(B) over[true]**
* (C) for
* (D) to

**15. Fred was a really silly boy when we were in high-school. I still remember \_\_\_\_\_\_\_\_ very stupid questions.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) his asking[true]**
* (B) him to ask
* (C) asking him
* (D) his being asked

**16. \_\_\_\_\_\_\_\_ I like the Rolling Stones.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) No need to say
* (B) Don't need to say
* (C) Needless saying
* **(D) Needless to say[true]**

**17. - Are you sorry that you didn't take pictures?  - Yes, I regret \_\_\_\_\_\_\_\_ any.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) not to take
* (B) that I not take
* **(C) not taking[true]**
* (D) to not taken

**18. If he had not given me advice, I \_\_\_\_\_\_\_\_ again.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) would fail
* (B) would be failed
* (C) wouldn't fail
* **(D) would have failed[true]**

**19. What \_\_\_\_\_\_\_\_ ! The rain has not stopped all day.**

Chọn câu trả lời đúng

* (D) an weather
* (A) a weather
* (B) the weather
* **(C) weather[true]**

**20. - Which of the two boys is a boy scout?**  - \_\_\_\_\_\_\_\_ of them is. 

Chọn câu trả lời đúng

* (A) All
* (B) None
* **(C) Neither[true]**
* (D) Both

**Đề 2:**

**1. My cousin \_\_\_\_\_\_\_\_ bank manager.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) is a[true]**
* (B) makes
* (C) is
* (D) he is

**2. Claude is \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) Frenchman
* (B) a French
* (C) a Frenchman
* **(D) French man[true]**

**3. She smokes \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) very heavily[true]**
* (B) much
* (C) very heavy
* (D) lot

**4. She's talking to you. Please listen to \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) she
* (B) hers
* **(C) her[true]**
* (D) him

**5. This isn't Bob's car. \_\_\_\_\_\_\_\_ is a sports car.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) He
* **(B) His[true]**
* (C) He's
* (D) My

**6. Jack and Tom \_\_\_\_\_\_\_\_ go to school yesterday.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) doesn't
* (B) don't
* **(C) didn't[true]**
* (D) aren't

**7. Jack always \_\_\_\_\_\_\_\_ to his office by car.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) is going
* **(B) goes[true]**
* (C) go
* (D) has gone

**8. \_\_\_\_\_\_\_\_ tall are you?**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) Which
* (B) What
* (C) When
* **(D) How[true]**

**9. I speak French \_\_\_\_\_\_\_\_ Jenny.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) more well that
* **(B) better than[true]**
* (C) more good than
* (D) better as

**10. Mirana remembered to phone the doctor.** =>\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

Chọn câu trả lời đúng

* (D) She remembered that she phoned her.
* (A) She remembered phoning the doctor.
* (B) Mirana forgot to remember to phone.
* **(C) She didn't forget to phone the doctor. [true]**

**11. These are my \_\_\_\_\_\_\_\_ three children.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) brother Tim's[true]**
* (B) Tim's brother
* (C) brother Tim
* (D) brother is Tim

**12. - What would you like for your birthday?  - \_\_\_\_\_\_\_\_ will do.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) Anything[true]**
* (B) None
* (C) Something
* (D) Somebody

**13. What 's your proposal?** I propose that the meeting \_\_\_\_\_\_\_\_ .

Chọn câu trả lời đúng

* (A) is postponing
* **(B) be postponed[true]**
* (C) to be postponed
* (D) postpones

**14. "Here's the money I promised," he said. "I always \_\_\_\_\_\_\_\_ my promises."**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) agree
* (B) follow
* (C) make
* **(D) keep[true]**

**15. The boy suffered \_\_\_\_\_\_\_\_ a very bad headache.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) of
* **(B) from[true]**
* (C) by
* (D) at

**16. Always \_\_\_\_\_\_\_\_ honest in whatever you do.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) to be
* **(B) be[true]**
* (C) are
* (D) is

**17. Did you \_\_\_\_\_\_\_\_ your pocketbook?**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) lose[true]**
* (B) loosen
* (C) loose
* (D) miss

**18. I prefer \_\_\_\_\_\_ soccer to watching TV.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) played
* (B) has played
* **(C) playing[true]**
* (D) play

**19. If you had locked the gate properly, the robbers \_\_\_\_\_\_\_\_ into the house.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) would not break
* (B) should not break
* (C) should not have break
* **(D) would not have broken[true]**

**20. Your friend speaks English very well, doesn't she? Yes, she \_\_\_\_\_\_\_\_ English since she was a little girl.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) has been speaking[true]**
* (B) spoken
* (C) used to speak
* (D) has to speak

**Đề 3:**

**1. It is \_\_\_\_\_\_\_\_ question.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) not hard
* (B) a easy
* **(C) an easy[true]**
* (D) not an hard

**2. - \_\_\_\_\_\_\_\_? - Ten past three.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) What's the time[true]**
* (B) What's the hour
* (C) What our are they
* (D) How the time

**3. The oranges are \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(D) ten pence each[true]**
* (A) each one ten pence
* (B) ten pence the piece
* (C) each ten pence

**4. I'm not good \_\_\_\_\_\_\_\_ French.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) at[true]**
* (B) on
* (C) for
* (D) by

**5. The old man tripped and fell \_\_\_\_\_\_\_\_ the stairs.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) from
* (B) off
* **(C) down[true]**
* (D) under

**6. \_\_\_\_\_\_\_\_ you fond of jazz?**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) is
* (B) am
* (C) have
* **(D) are[true]**

**7. Why \_\_\_\_\_\_\_\_ a car?**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) don't you got
* **(B) haven't you got[true]**
* (C) haven't you get
* (D) haven't got you

**8. Is that John's wife? No, John \_\_\_\_\_\_\_\_ married yet.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) has not got[true]**
* (B) doesn't get
* (C) isn't
* (D) isn't be

**9. \_\_\_\_\_\_\_\_ the bus to work.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) Always Roberts catches
* **(B) Roberts always catches[true]**
* (C) Roberts catches always
* (D) Roberts does always catches

**10. I asked him \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) to not go away
* (B) to go not away
* **(C) not to go away[true]**
* (D) go not away.

**11. What \_\_\_\_\_\_\_\_ your friend? Was she at the party?**

Chọn câu trả lời đúng

* (D) was
* (A) time
* **(B) about[true]**
* (C) did

**12. I always go shopping \_\_\_\_\_\_\_\_ Monday morning.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) on[true]**
* (B) by
* (C) next
* (D) at

**13. Of course, she would come to the meeting if you \_\_\_\_\_\_\_\_ her.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) asked[true]**
* (B) have asked
* (C) will ask
* (D) have been asked

**14. I wouldn't believe what she says. She sounds very convincing but she's just a fast \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) talker[true]**
* (B) eyes
* (C) one
* (D) ride

**15. I've never heard such a load of cock and \_\_\_\_\_\_\_\_ in my life.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) pack
* **(B) bull[true]**
* (C) fishy
* (D) business

**16. The \_\_\_\_\_\_\_\_ built onto the back of the house provided valuable extra space.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) extension[true]**
* (B) expansion
* (C) development
* (D) growth

**17. The bank is on \_\_\_\_\_\_\_\_ side of the street.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) another
* (B) other
* **(C) the other[true]**
* (D) the rest

**18. Before it was sold, the broken machine was cleaned and \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) looked for
* **(B) put right[true]**
* (C) kept up
* (D) given back

**19. We are not used to \_\_\_\_\_\_\_\_ in a cold climate.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) lived
* (B) live
* **(C) living[true]**
* (D) lives

**20. I live \_\_\_\_\_\_\_\_ 42 Satorn Road.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) in
* (B) on
* **(C) at[true]**
* (D) zero

**Đề 4:**

**1. He's very short: \_\_\_\_\_\_\_\_ sisters are taller.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) both of them
* (B) his both
* **(C) both his[true]**
* (D) the two both his

**2. When \_\_\_\_\_\_\_\_ dinner.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) have you
* **(B) do you have[true]**
* (C) you have
* (D) you are having

**3. Kate is the best \_\_\_\_\_\_\_\_ the three.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) in
* (B) from
* (C) than
* **(D) of[true]**

**4. - Are you ready? - \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) Already not
* (B) Quite not
* (C) Yet not
* **(D) Not yet[true]**

**5. Leave your dirty shoes \_\_\_\_\_\_\_\_ the door.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) out from
* (B) out
* **(C) outside[true]**
* (D) out of

**6. He \_\_\_\_\_\_\_\_ swim very well.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) not can
* **(B) cannot[true]**
* (C) doesn't can
* (D) don't can

**7. Peter works in London. \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) He goes there by train. [true]**
* (B) He there goes by train.
* (C) He goes by train there.
* (D) There goes he by train.

**8. Yeuk Yee had her house painted white yesterday.** = > \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

Chọn câu trả lời đúng

* (B) Her house was not blue last week.
* **(C) They painted her house white for her yesterday. [true]**
* (D) She painted her house yesterday.
* (A) She had to paint her house white yesterday.

**9. The hotel is \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) sell
* **(B) for sale[true]**
* (C) for sell
* (D) sale

**10. - Can we begin the test? - We can't unless the teacher \_\_\_\_\_\_\_\_ so.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) will say
* (B) is saying
* (C) shall say
* **(D) says[true]**

**11. "You are late" he said. "I think the bus \_\_\_\_\_\_\_\_ already."**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) went
* (B) was going
* **(C) has gone[true]**
* (D) goes

**12. We wondered who was going to pay for the \_\_\_\_\_\_\_\_ window.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) broken[true]**
* (B) breaking
* (C) broke
* (D) break

**13. The pond near your house is full \_\_\_\_\_\_\_\_ white lilies.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) with
* **(B) of[true]**
* (C) to
* (D) zero

**14. His landlady doesn't \_\_\_\_\_\_\_\_ of his having parties.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) appreciate
* (B) support
* **(C) approve[true]**
* (D) agree

**15. I drink \_\_\_\_\_\_\_\_ coffee than you.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) little
* (B) few
* **(C) less[true]**
* (D) fewer

**16. I bought her a new pencil sharpener \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) it is very expensive
* **(B) which was very expensive[true]**
* (C) hose colour was black
* (D) it will be vey expensive

**17. The news \_\_\_\_\_\_\_\_ as soon as possible.**

Chọn câu trả lời đúng

* (C) will have been released
* **(D) will be released[true]**
* (A) release
* (B) will release

**18. This book is \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) belonged to Som
* (B) belong to Som
* **(C) Som's[true]**
* (D) of Som

**19. Suda told \_\_\_\_\_\_\_\_ the whole story.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) to me
* **(B) me[true]**
* (C) I
* (D) my

**20. It's a small shop, and you may have some difficulty \_\_\_\_\_\_\_\_ it.**

* (A) to find
* (B) of finding
* **(C) in finding[true]**
* (D) to be finding

**Đề 5:**

**1. \_\_\_\_\_\_\_\_ a crowd in the street.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) It’s
* **(B) There is[true]**
* (C) That’s
* (D) Is

**2. Our house has four bedrooms: I have the \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) most smallest
* (B) more small
* (C) smaller
* **(D) smallest[true]**

**3. Mrs Lee’s son has a car, but he prefers to use \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) his mother
* (B) his mothers’
* **(C) hers[true]**
* (D) her

**4. What do you think \_\_\_\_\_\_\_\_ this new record?**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) of[true]**
* (B) from
* (C) on
* (D) for

**5. They are all \_\_\_\_\_\_\_\_ ready for the party.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) getting[true]**
* (B) going
* (C) doing
* (D) putting

**6. Nuri is out: he’s \_\_\_\_\_\_\_\_ a pint of milk.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) for
* (B) gone to
* **(C) gone for[true]**
* (D) went for

**7. The pen is \_\_\_\_\_\_\_\_ the book and the file.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) under
* **(B) between[true]**
* (C) inside
* (D) among

**8. You must get \_\_\_\_\_\_\_\_ the bus here.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) of
* **(B) off[true]**
* (C) out
* (D) from

**9. Are these books \_\_\_\_\_\_\_\_?**

* (A) your or John’s
* **(B) yours or John’s[true]**
* (C) your’s or John’s
* (D) yours’ or Johns’

**10. Mr Brown’s friends \_\_\_\_\_\_\_\_ interested in your work.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) are[true]**
* (B) have
* (C) has
* (D) is

**11. Someone offers you a drink. You don’t want it. What do you say?**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) Thank you.
* (B) Please!
* **(C) No, thank you. [true]**
* (D) No, please.

**12. He speaks English very well \_\_\_\_\_\_\_\_ he’s only 12.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) whereas
* (B) despite
* (C) in spite of
* **(D) although[true]**

**13. Susan \_\_\_\_\_\_\_\_ to clean the car at the weekend.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) hasn’t have
* **(B) doesn’t have[true]**
* (C) doesn’t has
* (D) don’t have

**14. \_\_\_\_\_\_\_\_ patient, and you will succeed.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) Be[true]**
* (B) Being
* (C) To be
* (D) Are

**15. He’s not the sort of person to trust. He’s a bad \_\_\_\_\_\_\_\_.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) talker
* (B) snake
* (C) eel
* **(D) egg[true]**

**16. He died \_\_\_\_\_\_\_\_ hunger and cold.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) by
* **(B) of[true]**
* (C) with
* (D) for

**17. Eric is now riding his bike to work instead of \_\_\_\_\_\_\_\_ by bus.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) travel
* **(B) travelling[true]**
* (C) travels
* (D) to travel

**18. The reason \_\_\_\_\_\_\_\_ he’s late is that he had an accident.**

Chọn câu trả lời đúng

* (A) which
* (B) in which
* (C) that
* **(D) why[true]**

**19. The boy \_\_\_\_\_\_\_\_ is here.**

Chọn câu trả lời đúng

* (D) whose sister is sick
* **(A) whose sick sister[true]**
* (B) whose sister sick
* (C) who his sister is sick

**20. This is the first time I \_\_\_\_\_\_\_\_ the experiment on plant breeding.**

Chọn câu trả lời đúng

* **(A) have done[true]**
* (B) do
* (C) would do
* (D) did

Bottom of Form